

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Gói thầu số 3: Mua thuốc generic bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026, thuộc dự án/dự toán mua sắm Mua sắm thuốc bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024;

Căn cứ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 20/2022/TT-BYT ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc: Ban hành danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 07/2024/TT-BYT ngày 17/05/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc: Quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Thông tư số 37/2024/TT-BYT ngày 16/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định nguyên tắc, tiêu chí xây dựng, cập nhật, ghi thông tin, cấu trúc danh mục và hướng dẫn thanh toán đối với thuốc hóa dược, sinh phẩm, thuốc phóng xạ và chất đánh dấu thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;

Căn cứ Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17/11/2024 của Bộ

trưởng Bộ kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1059/QĐ-BVĐKT ngày 27/03/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thuốc bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số E2500115120_2504011602 ngày 01/04/2025 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu số 3: Mua thuốc generic bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mua sắm thuốc bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026 thuộc dự toán mua sắm Mua sắm thuốc bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026;

Căn cứ Báo cáo số 1584/BC-TCGĐT ngày 06/05/2025 của Tổ chuyên gia đấu thầu về việc báo cáo đánh giá E-HSDT Gói thầu số 3: Mua thuốc generic bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026;

Căn cứ Tờ trình số 1680/TTr-TTVĐT ngày 14/05/2025 của Tổ tư vấn đấu thầu về việc đề nghị phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng Gói thầu số 3: Mua thuốc generic bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 1720/BC-TTĐ ngày 19/05/2025 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà Gói thầu số 3: Mua thuốc generic bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026.

Xét đề nghị của *Tổ tư vấn đấu thầu Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá*,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu: *Gói thầu số 3: Mua thuốc generic bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026*; thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2500115120
- Tên gói thầu: Gói thầu số 3: Mua thuốc generic bổ sung lần 2 sử dụng tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá năm 2025-2026
- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có): 17.358.957.230 VND

- Tên chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 Tháng

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu:

S T T	Phân/ lô nhà thầu tham dự	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (VND)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có) (VND)	Điểm kỹ thuật (nếu có)	Giá đánh giá (nếu có) (VND)	Giá trúng thầu (VND)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	1.978.800.000	1.978.800.000	92		1.978.800.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
2	Lamivudin + tenofovir	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÀ THANH	2801933354	750.000.000	750.000.000	84		750.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
3	Bortezomib	CÔNG TY TNHH DƯỢC	0101261544	1.762.400.000	1.762.400.000	94		1.762.400.000	Không quá 12 tháng	Không quá 12 tháng	

		PHẨM VIỆT - PHÁP							(kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	(kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
4	Lenali domid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP	0101261544	1.428 .000. 000	1.428.0 00.000	85		1.428 .000. 000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
5	Lenali domid	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP	0101261544	1.248 .000. 000	1.248.0 00.000	85		1.248 .000. 000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
6	Imatin ib	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	145.7 00.00 0	145.70 0.000	86		145.7 00.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
7	Alfuzo sin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC	2800231948	189.0 00.00 0	189.00 0.000	88		189.0 00.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ	Không quá 12 tháng (kể từ	

		VẬT TƯ Y TẾ THAN H HOÁ							ngày hợp đồng có hiệu lực)	ngày hợp đồng có hiệu lực)	
8	Gelatin succiny l + natri clorid + natri hydro xyd	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ VÀ DƯỢC PHẨM AN PHÚC	2801416116	116.0 00.00 0	116.00 0.000	83		116.0 00.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
9	Tinh bột este hóa (hydro xyethy l starch)	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	55.00 0.000	55.000 .000	94		55.00 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
10	Deferi pron	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ VIỆT NAM - ASEA N	2802424695	350.0 00.00 0	350.00 0.000	86		350.0 00.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
11	Defera sirox	CÔNG TY CỔ PHẦN	0315292892	136.5 00.00 0	136.50 0.000	83		136.5 00.00 0	Không quá 12 tháng	Không quá 12 tháng	

		5A FARM A							(kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	(kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
12	Nicora ndil	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	119.2 80.00 0	119.28 0.000	84		119.2 80.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
13	Metopr olol	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM GIA MINH	0101422463	81.70 0.000	81.700 .000	94		81.70 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
14	Bisopr olol + hydroc lorothi azid	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	444.0 00.00 0	444.00 0.000	94		444.0 00.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
15	Cilnid ipin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂY	0106637021	135.0 00.00 0	135.00 0.000	82		135.0 00.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

		ĐỨC							đồng có hiệu lực)	đồng có hiệu lực)	
16	Losartan	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÀM RỒNG	2801694240	29.40 0.000	29.400 .000	85		29.40 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
17	Acetylsalicylic acid (DL-lysine-acetylsalicylate)	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ	2800231948	370.0 00.00 0	370.00 0.000	85		370.0 00.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
18	Clopidogrel	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM FREMED	0314024996	62.40 0.000	62.400 .000	84		62.40 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
19	Fluvastatin	CÔNG TY TNHH DƯỢC TÂN LONG	2800772150	350.0 00.00 0	350.00 0.000	85		350.0 00.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

									hiệu lực)	hiệu lực)	
20	Pravas tatin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM CÁT LÂM	0315654422	42.60 0.000	42.600 .000	82		42.60 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
21	Povidon iod	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM CHÂU HOÀNG	2800803779	44.10 0.000	44.100 .000	84		44.10 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
22	Povidon iod	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	0302560110	89.04 0.000	89.040 .000	87		89.04 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
23	Sucralfa t	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ	2800231948	150.0 00.00 0	150.00 0.000	88		150.0 00.00 0	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có	

		THAN H HOÁ							hiệu lực)	hiệu lực)	
24	Metfo rmin	CÔNG TY CÔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	48.54 0.000	48.540 .000	90		48.54 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
25	Metfo rmin	CÔNG TY CÔ PHẦN DƯỢC VINA PHAM	2802413277	39.00 0.000	39.000 .000	88		39.00 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
26	Metfo rmin	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	26.10 0.000	26.100 .000	96		26.10 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
27	Gliben clamid + Metfo rmin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT ĐỨC	0302339800	44.10 0.000	44.100 .000	87		44.10 0.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

28	Insulin người trộn, hỗn hợp	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ TRAN G THIẾT BỊ Y TẾ HOÀN G ĐỨC	0301140748	261.750.000	261.750.000	83		261.750.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
29	Dung dịch lọc màng bụng	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM THIẾT BỊ Y TẾ HÀ NỘI	0100109699	85.216.000	85.216.000	86		85.216.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
30	Meclophenoxat	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ	2800231948	315.000.000	315.000.000	86		315.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
31	Choline alfoscerat	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC	0103053042	346.500.000	346.500.000	94		346.500.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

		LIỆU TW2							có hiệu lực)	có hiệu lực)	
32	Glucose	Công ty Cổ phần Vinamed	2801804334	589.760.000	589.760.000	84		589.760.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
33	Calciclorid	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH DÂN	0101386261	8.680.000	8.680.000	85		8.680.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
34	Octreotid	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÁI AN	0101841961	925.000.000	925.000.000	94		925.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
35	Perindopril arginine + Amlodipine	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DƯỢC LIỆU TW2	0103053042	98.835.000	98.835.000	96		98.835.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

36	Perindopril arginine + Amlodipine	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUỢC LIỆU TW2	0103053042	13.178.000	13.178.000	93		13.178.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
37	Perindopril arginine + Amlodipine	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DUỢC LIỆU TW2	0103053042	19.767.000	19.767.000	93		19.767.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
38	Bismuth	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC PHẨM BẾN TRE	1300382591	54.720.000	54.720.000	84		54.720.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
39	Vildagliptin + Metformin	CÔNG TY CỔ PHẦN DUỢC VINA PHAM	2802413277	378.000.000	378.000.000	83		378.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu:

STT	Phần/lô nhà thầu	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Lý do nhà thầu
-----	------------------	--------------	------------	----------------

	tham dự			không trúng thầu
1	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TH PHARMA	0109629692	Nhà thầu xếp hạng 2
2	Paracetamol (acetaminophen)	CÔNG TY TNHH BÌNH VIỆT ĐỨC	0303114528	Nhà thầu xếp hạng 3
3	L-Asparaginase	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VIỆT - PHÁP	0101261544	Giá cao hơn giá kế hoạch
4	Deferasirox	CÔNG TY TNHH INTERCONTINENTAL PHARMA VIỆT NAM	0106739489	Nhà thầu xếp hạng 2
5	Metoprolol	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THUẬN PHÁT	0500465187	Nhà thầu xếp hạng 2
6	Acetylsalicylic acid (DL- lysin- acetylsalicylat)	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THUẬN PHÁT	0500465187	Nhà thầu xếp hạng 2
7	Clopidogrel	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ VẬT TƯ Y TẾ THANH HÓA	2800588271	Nhà thầu xếp hạng 2
8	Pravastatin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ VIỆT NAM - ASEAN	2802424695	Nhà thầu xếp hạng 4
9	Pravastatin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM TÂN AN	0102195615	Nhà thầu xếp hạng 2
10	Pravastatin	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÀM RỒNG	2801694240	Nhà thầu xếp hạng 3
11	Povidon iod	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ THUẬN PHÁT	0500465187	Nhà thầu xếp hạng 2
12	Povidon iod	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DƯỢC PHẨM CHÂU HOÀNG	2800803779	Nhà thầu xếp hạng 2
13	Metformin	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM SAVI	0303923529	Nhà thầu xếp hạng 2
14	Insulin người trộn,	CÔNG TY TNHH	0312460161	Giá cao hơn giá kế

	hỗn hợp	DƯỢC PHẨM VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HD		hoạch
15	Glucose	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - VẬT TƯ Y TẾ THANH HOÁ	2800231948	Nhà thầu xếp hạng 2
16	Bismuth	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM HÀM RỒNG	2801694240	Nhà thầu xếp hạng 2
17	Bismuth	Công ty Cổ phần Vinamed	2801804334	Nhà thầu xếp hạng 3

4. Thông tin về hàng hóa, thiết bị trúng thầu:

ST T	Mã phân (lô)	Mã thuốc c	Tên thuốc c	Tên hoạt chất / Tên thành phần của thuốc c	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách	Nhóm thuốc c	Hạn dùng (Tuổi thọ)	GD KLH hoặc GP NK	Tên cơ sở sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá trúng thầu (VN D)	Thành tiền	Tiền độ cung cấp
1	PP2500157976	GEN2	Paracetamol Kabi AD	Paracetamol	1g/100ml	Tiêm truyền tĩnh mạch	Dung dịch tiêm truyền	Hộp 10 lọ 100 ml	1	24 tháng	400110022023 (VN-20677-17)	Fresenius Kabi Deutschland GmbH	Đức	Lọ	100.000	19.788	1.978.800.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
2	PP2500157977	GEN3	Dinara	Lamivudin 100mg; Tenofovir disoproxil fumarat 300mg	100mg + 300mg	Uống	Viên nén bao phim	Hộp 4 vỉ x 7 viên Hộp 6 vỉ x 10 viên	2	36 tháng	893110921924 (QLĐB-600-17)	Công ty Cổ phần Dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	50.000	15.000	750.000.000	Không quá 12 tháng (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)

3	PP2 500 157 978	GEN 4	Bort ezom ib Biov agen (CS ĐG thứ cấp: GE Phar mace utica ls Ltd; Đc: Indus trial Zone , "Che kani tza- Sout h" area, 2140 Bote vgra d, Bulg ari; CSX X: Synt hon Hisp ania S.L; Đ/c: Pol. Ind. Les Salin es. Carr er Caste lló1, 0883 0 Sant Boi de Llob rega, Tây Ban Nha	Bort ezom ib (dướ i dạng Bort ezom ib mann itol boro nic ester)	lmg	Tiêm tĩnh mặc h	Bột đông khô pha dung dịch tiêm tĩnh mặc h	Hộp lọ	1	36 thán g	VN3 -274 -20	-Cơ sở sản xuất đóng gói sơ cấp: Onc ome d Manu fact urin g a.s '- Cơ sở đóng gói thứ cấp: GE phar mace utica ls Ltd '- Cơ sở xuất xưởn g: Synt hon Hisp ania S.L	-Cơ sở sản xuất, đóng gói sơ cấp: Séc -Cơ sở đóng gói thứ cấp: Bulg ari -Cơ sở xuất xưởn g:Tâ y Ban Nha	Lọ	400	4.40 6.00 0	1.76 2.40 0.00 0	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
---	--------------------------	----------	---	--	-----	--------------------------	---	-----------	---	-----------------	--------------------	---	---	----	-----	-------------------	---------------------------	---

			)															
4	PP2 500 157 979	GEN 5	Lena limi d	Lena lido mid e	10m g	Uốn g	Viên nang cúm g	Hộp 3 vi x 7 viên	4	36 thán g	893 114 376 924	Côn g ty TNH H Sinh Dượ c phẩ m Her a	Việt Na m	Viên	12.0 00	119. 000	1.42 8.00 0.00 0	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
5	PP2 500 157 980	GEN 6	Lena limi d	Lena lido mid e	25m g	Uốn g	Viên nang cúm g	Hộp 3 vi x 7 viên	4	36 thán g	893 114 169 723	Côn g ty TNH H Sinh Dượ c phẩ m Her a	Việt Na m	Viên	6.00 0	208. 000	1.24 8.00 0.00 0	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
6	PP2 500 157 983	GEN 9	IMA TIN IB MES ILA TE TAB LET S 100 MG	Imat inib (đượ i dạng Imat inib mesy lat)	100 mg	Uốn g	Viên nén bao phi m	Hộp 6 vi x 10 viên	2	24 thán g	VN3 -377 -21	Zydu s Life scie nces Limi ted	Indi a	Viên	20.0 00	7.28 5	145. 700. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
7	PP2 500 157 984	GEN 10	Alsif ul S.R. Tabl ets 10m g	Alfu zosi n hydr oclo rid	10m g	Uốn g	Viên nén phón g thích kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	2	36 thán g	471 110 040 125 (VN -225 39-2 0)	2nd Plant , Stan dard Che m. & Phar m. Co., Ltd.	Đài Loa n	Viên	30.0 00	6.30 0	189. 000. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
8	PP2	GEN	Gelo	Mỗi	Mỗi	Tiêm	Dun	Hộp	5	24	955	B.Br	Mala	Chai	1.00	116.	116.	Khô

	500 157 985	11	fusi ne	500ml chứa : Succ inyl ated Gela tin (Mod ified fluid gelat in) 20g; Sodi um Chlo ride 3,50 5g; Sodi um hydr oxid e 0,68 g	500ml chứa : Succ inyl ated Gela tin (Mod ified fluid gelat in) 20g; Sodi um Chlo ride 3,50 5g; Sodi um hydr oxid e 0,68 g	truy ền	g dịch tiêm truy ền	10 chai 500 ml		thán g	110 002 024 (VN -208 82-1 8)	aun Medi cal Indus tries Sdn .Bhd	ysia		0	000	000. 000	ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
9	PP2 500 157 986	GEN 12	Volu lyte 6%	Poly - (O-2 - hydr oxye thyl) starc h (HE S 130/ 0,4); Natri aceta t trihy drat; Natri clori d; Kali clori d; Magn esi clori d hexa	(30g ; 2,31 5g; 3,01 g; 0,15 g; 0,15 g)/5 00ml	Tiêm truy ền	Dun g dịch tiêm truy ền	Thùn g 20 túi 500 ml	1	36 thán g	VN- 1995 6-16	Fres eniu s Kabi Deut schl and Gm bH	Đức	Túi	500	110. 000	55.0 00.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)

				hydrat														
10	PP2 500 157 987	GEN 13	SaVi Defe ripr on 250	Defe ripr on	250 mg	Uốn g	Viên nén bao phi m	Hộp 3 vi x 10 viên	2	36 thán g	893 110 924 524 (VD -257 74-1 6)	Côn g ty cổ phần được phẩ m Savi (Sav ipha rm J.S. C)	Việt Na m	Viên	50.0 00	7.00 0	350. 000. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
11	PP2 500 157 988	GEN 14	Defe rasi rox- 5a Farm a 250 mg	Defe rasi rox	250 mg	Uốn g	Viên nén phân tán	Hộp 3 vi x 10 viên	4	36 thán g	VD- 3523 1-21	Côn g ty cổ phần liên doan h được phẩ m Élog e Fran ce Việt Na m	Việt Na m	Viên	15.0 00	9.10 0	136. 500. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
12	PP2 500 157 989	GEN 15	Pecr andil 10	Nico rand il	10m g	Uốn g	Viên nén	Hộp 6 vi x 10 viên	4	24 thán g	8931 1015 4424 (VD -303 94-1 8)	Côn g ty cổ phần được phẩ m Hà Tây	Việt Na m	Viên	40.0 00	2.98 2	119. 280. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
13	PP2 500 157 990	GEN 16	Carm otop 25 mg	Meto prolo l tartr at	25m g	Uốn g	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	1	24 thán g	VN- 2152 9-18	S.C. Magi stra C & C SRL	Rom ania	Viên	50.0 00	1.63 4	81.7 00.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày

																		hợp đồng có hiệu lực)
14	PP2 500 157 991	GEN 17	Com biso	Biso prolo l fuma rate ; Hydr ochl orot hiaz ide	5mg ; 6,2 5mg	Uốn g	Viên nén	Hộp 3 vi x 10 viên	1	36 thán g	859 110 191 723	Pro. Med .CS Prah a a.s	Czec h Repu blic	Viên	100. 000	4.44 0	444. 000. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
15	PP2 500 157 992	GEN 18	Esse il-5	Ciln idip in	5mg	Uốn g	Viên nén bao phi m	Hộp 10 vi x 10 viên	2	36 thán g	VD- 2890 5-18	Côn g ty Cổ phần được phâ m Đạt Vi Phú	Việt Na m	Viên	30.0 00	4.50 0	135. 000. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
16	PP2 500 157 993	GEN 19	AGI LOS ART 50	Losa rtan kali	50 mg	Uốn g	Viên nén bao phi m	Hộp 4 vi x 10 viên; Hộp 3 vi x 10 viên; Hộp 5 vi x 10 viên; Hộp 6 vi x 10 viên; Hộp 10 vi x 10 viên;	4	36 thán g	893 110 877 024 (VD -327 76-1 9)	CN Cty CPD P Agi mex phar m - Nhà máy SX DP Agi mex pha rm	Việt Na m	Viên	150. 000	196	29.4 00.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)

							Hộp 1 chai x 30 viên;											
							Hộp 1 chai x 50 viên; chai 100 viên; chai 200 viên; chai 300 viên; chai 500 viên											
17	PP2 500 157 994	GEN 20	Aspi rin 100	Aspi rin	100 mg	Uốn g	Thuốc bột pha dung dịch uốn g	Hộp 12 gói x 1,5g	4	24 thán g	893 110 271 300 (VD -329 20-1 9)	CTC P DP Trườ ng Thọ	Việt Na m	Gói	200. 000	1.85 0	370. 000. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
18	PP2 500 157 995	GEN 21	MIV IC	Clop idog rel (dướ i dạng clop idog rel bisul fate 97, 86m g)	75m g	Uốn g	Viên nén bao phi m	Hộp 3 vi x 10 viên	4	36 thán g	893 110 153 323	Côn g ty Cổ phần Dượ c phẩ m Fre med	Việt Na m	Viên	50.0 00	1.24 8	62.4 00.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
19	PP2 500 157 996	GEN 22	Miti five	Fluv astat in (dướ i	20m g	Uốn g	Viên nang củm g	Hộp 6 vi x 10 viên	4	36 thán g	VD- 3556 6-22	Côn g ty cổ phần	Việt Na m	Viên	80.0 00	4.37 5	350. 000. 000	Khô ng quá 12 thán

				dạng Fluv astat in natri)								được và vật tư y tế Bình Thu ận						g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
20	PP2 500 157 997	GEN 23	Prav astat in Mcn 20	Prav astat in natri	20m g	Uốn g	Viên nén	Hộp 06 vi x 10 viên, Hộp 10 vi x 10 viên	4	30 thán g	893 110 098 825	Côn g Ty Cổ Phần Med cen	Việt Na m	Viên	60.0 00	710	42.6 00.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
21	PP2 500 157 998	GEN 24	POV IDO NE	Povi don iod	Mỗi chai 20ml chứa Povi don iod 2 gra m	Dùn g ngoà i	DD dùng ngoà i	Chai 125 ml	4	24 thán g	893 100 041 923 (VD -178 82-1 2)	CN Cty CPD P Agi mex phar m - Nhà máy SX DP Agi mex pha rm	Việt Na m	Chai	3.00 0	14.7 00	44.1 00.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
22	PP2 500 157 999	GEN 25	Povi don iod 10%	Povi don iod	2g/2 0ml; 500 ml	Dùn g ngoà i	Dun g dịch dùng ngoà i	Chai 500 ml	4	36 thán g	VD- 2132 5-14	Chi nhán h Côn g ty Cổ phần Dượ c phâ m OPC tại Bình Dươ ng - Nhà	Việt Na m	Chai	2.00 0	44.5 20	89.0 40.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)

												máy Dượ c phẩ m OP C						
23	PP2 500 158 000	GEN 26	Crat sua Susp ensi on "Sta ndar d"	Sucr alfat	1g	Uốn g	Hỗn dịch uốn g	Hộp 20 gói x 10ml	2	36 thán g	VN- 2247 3-19	2nd Plant , Stan dard Che m. & Phar m. Co., Ltd.	Đài Loa n	Gói	30.0 00	5.00 0	150. 000. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
24	PP2 500 158 001	GEN 27	Mets av 100 0	Metf ormi n hydr ochl orid	100 0mg	Uốn g	Viên nén bao phi m	Hộp 10 vi x 10 viên	2	36 thán g	893 110 294 623	Côn g ty CPD P SaV i	Việt Na m	Viên	60.0 00	809	48.5 40.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
25	PP2 500 158 002	GEN 28	Mets av 1000 XR	Metf ormi n hydr ochl orid e	100 0mg	Uốn g	Viên nén phón g thích kéo dài	Hộp 3 vi x 10 viên	2	36 thán g	893 110 276 924	Côn g ty cổ phần được phẩ m Savi	Việt Na m	Viên	30.0 00	1.30 0	39.0 00.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
26	PP2 500 158 003	GEN 29	Metf ormi n 500	Metf ormi n hydr ochl orid	500 mg	Uốn g	Viên nén bao phi m	Hộp 6 vi x 10 viên	2	36 thán g	VN- 2028 9-17	Lek S.A	Ba Lan	Viên	60.0 00	435	26.1 00.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày

																		hợp đồng có hiệu lực)
27	PP2 500 158 004	GEN 30	Hasa nbes t 500/ 5	Glib encl amid + Metf ormi n hydr oclo rid	5mg + 500 mg	Uốn g	viên nén bao phi m	Hộp 2 vi, 8 vi x 15 viên	4	36 thán g	8931 1045 7824 (VD -323 92-1 9)	Côn g ty TNH H Hasa n - Der map har m	Việt Na m	Viên	30.0 00	1.47 0	44.1 00.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
28	PP2 500 158 005	GEN 31	Diam isu 70/3 0 Injec tion 100I U/ ml	Hum an Insul in (rD NA orig in)	1000 IU/ 10m l	Tiêm dưới da	Hỗn dịch tiêm	Hộp 1 lọ x 10ml	5	24 thán g	QLS P-10 51-1 7	Getz Phar ma (Pvt) Ltd	Paki stan	Lọ	5.00 0	52.3 50	261. 750. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
29	PP2 500 158 007	GEN 33	Dian eal Low Calc ium (2.5 mEq /l) Peri tonea l Dial ysis Solu tion with 4.25 % Dext rose	Calc i Chlo ride + Dext rose hydr ous + Magi e Chlo ride + Natri Chlo ride + Natri lacta te	(18, 3mg + 4,25 g + 5,08 mg + 538 mg + 448 mg) /100 ml	Truy ền dung dịch lọc vào khoa ng bùn g	Dun g dịch thấm phân phức mạc	Thùn g 6 túi 2 lít	2	24 thán g	VN- 2117 9-18	Baxt er Heal thcar e SA, Sing apor e Bra nch	Sing apor e	Túi	1.00 0	85.2 16	85.2 16.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
30	PP2	GEN	Bidil	Mecl	Tươ	Tiê	Bột	Hộp	4	36	VD-	CTC	Việt	Lọ	7.00	45.0	315.	Khô

	500 158 008	34	ucil 250	ophe noxa t	ng đươn g: Mecl ophe noxa t hydr oclo rid 250 mg	m	đồng khô pha tiêm	1 lọ + 1 ống nước cát pha tiêm 10ml		thán g	2066 6-14	P Dượ c- TTB YT Bình Định (Bid ipha r)	Na m		0	00	000. 000	ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
31	PP2 500 158 009	GEN 35	Gliat ilin	Chol ine Alfo scer ate	100 0mg /4ml	Tiêm	Dun g dịch tiêm	Hộp 5 ống 4ml	1	60 thán g	VN- 1324 4-11	Ital farm aco S.P. A	Ý	Ông	5.00 0	69.3 00	346. 500. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
32	PP2 500 158 010	GEN 36	Gluc ose 5%	Mỗi 100ml dung dịch chứa : Gluc ose khan (dướ i dạng Gluc ose mono hydr at)	5%; 500 ml	Tiêm truy ền	Dun g dịch tiêm truy ền	Thùn g 20 chai x 500 ml	4	24 thán g	893 110 118 123	Côn g ty cổ phần kỹ thuật Dượ c Bình Địn h	Việt Na m	Chai	80.0 00	7.37 2	589. 760. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
33	PP2 500 158 011	GEN 37	Calc i clori d 500mg/ 5ml	Calc i clori d dihy drat	500mg/ 5ml	Tiêm	Dun g dịch tiêm	Hộp 50 ống x 5ml	4	36 thán g	893 110 337 024	Côn g ty CPD P Min h Dân	Việt Na m	Ông	10.0 00	868	8.68 0.00 0	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp

																		đồng có hiệu lực)
34	PP2 500 158 012	GEN 38	Octr eoti de	Octr eoti de (dướ i dạng octr eoti de acet ate)	0,1m g/ ml; 1ml	Tiêm / Tiêm truy ền	Dun g dịch tiêm hoặc Dun g dịch đậm đặc để pha tiêm truy ền	Hộp 10 ống 1ml	1	36 thán g	VN- 1909 4-15	Bioi ndus tria Lab orato rio Ita lian o Me dici nali S.p .A. (Bio indu stri a L. I.M)	Italy	Ông	10.0 00	92.5 00	925. 000. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
35	PP2 500 158 013	GEN 39	Viac oram 7mg /5m g	Peri ndop ril (tươ ng ứng 7mg peri ndop ril argin ine) 4,75 6 mg; Amlol dipi ne (tươ ng ứng với 6,93 5mg Amlol dipi ne besy late) 5mg	7mg; 5mg	Uốn g	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	36 thán g	VN3 -47- 18	Serv ier (Irel and) Indus tries Ltd	Aile n	Viên	15.0 00	6.58 9	98.8 35.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
36	PP2 500 158 014	GEN 40	Cov eram 5mg /10 mg	Peri ndop ril argi nine 5mg;	5mg; 10m g	Uốn g	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	36 thán g	VN- 1863 4-15	Serv ier Irel and Indus tries	Aile n	Viên	2.00 0	6.58 9	13.1 78.0 00	Khô ng quá 12 thán g

				(tươ ng ứmg 3,39 5mg perin dopri l); Amlo dipin (dướ i dạng Amlo dipin besyl at) 10m g							Ltd						(kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)	
37	PP2 500 158 015	GEN 41	Cov eram 5mg /5m g	Peri ndop ril argi nine 5mg; (tươ ng đươn g 3,39 5mg perin dopri l); Amlo dipi ne(d ưới dạng amlo dipin besil ate) 5mg	5mg; 5mg	Uốn g	Viên nén	Hộp 1 lọ x 30 viên	1	36 thán g	VN- 1863 5-15	Serv ier Irel and Indus tries Ltd	Aile n	Viên	3.00 0	6.58 9	19.7 67.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)
38	PP2 500 158 016	GEN 42	Try mo table ts	Bism uth triox id (dướ i dạng	120 mg	Uốn g	Viên nén bao phi m	Hộp 14 vi xé x 8 viên	5	36 thán g	VN- 1952 2-15	Rapt akos , Brett & Co., Ltd	Ấn Độ	Viên	20.0 00	2.73 6	54.7 20.0 00	Khô ng quá 12 thán g (kể từ

				bism uth subci trat dạng keo)														ngày hợp đồng có hiệu lực)
39	PP2 500 158 017	BSG EN 1	Visd azul 50m g/1 000 mg	Vild aglip tin + Metf ormi n hydr oclo rid	Tươ ng đươn g: Vild aglip tin 50m g + Metf ormi n hydr ochl orid 100 0mg	Uổn g	Viên nén bao phi m	Hộp 6 vi x 10 viên	4	18 thán g	893 110 081 525	Côn g ty cổ phần được phả m Trun g ương I – Phar baco	Việt Na m	Viên	60.0 00	6.30 0	378. 000. 000	Khô ng quá 12 thán g (kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao phòng Tài chính Kế toán căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng Kế hoạch tổng hợp, khoa Dược, phòng Tài chính kế toán và các khoa, phòng, trung tâm có liên quan của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá và Nhà thầu trúng thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, TTVĐT, KD.

GIÁM ĐỐC

LÊ VĂN SỸ